

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2024
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thiện Lợi.
- Ông Vũ Tiến Thịnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Đào Thị Tuyết T**, sinh năm: 1978;

Nơi cư trú: **Số nhà C, ngõ H, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.**

- **Bị đơn:** Anh **Phùng Viết T1**, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: **Số nhà C, ngõ H, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.**

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** **Ngân hàng N3 (A)**; Địa chỉ trụ sở chính: **Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội**. Người đại diện theo pháp luật:

Ông **Phạm Toàn V** – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Viết C** – Chức vụ: Giám đốc **Ngân hàng N3**, **chi nhánh B**. Người được uỷ quyền lại: Ông **Đình Việt Đ** – Chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng hộ sản xuất và cá nhân **Ngân hàng N3**, **chi nhánh B**; địa chỉ: **Số B, đường T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình** (Theo Giấy uỷ quyền số 2765/UQ-NHNo.BTB-TH ngày 01/12/2023 của Giám đốc **A chi nhánh B**).

(Chị **T**, ông **Đ** có mặt, anh **T1** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Đào Thị Tuyết T** trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Phùng Viết T1** tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 19/01/2004 tại **Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình**. Trong quá trình chung sống với nhau giữa hai vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp tính cách làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, tâm sinh lý cũng như việc học hành của các con chị và nhất là về việc làm ăn kinh tế, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào cuối năm 2022. Mặc dù vợ chồng đã rất cố gắng, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được. Anh **T1** đã bỏ nhà đi từ tháng 11 năm 2023 đến nay không về, không có trách nhiệm gì với chị và các con. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T1**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Phùng Đào Thảo N**, sinh ngày 23/9/2007 và **Phùng Đào Thảo L**, sinh ngày 07/3/2014. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh **T1** phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, đối với con **Phùng Đào Thảo N** là 1.500.000 đồng/ 1 tháng, kể từ khi xét xử đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện cháu **Phùng Đào Thảo L** đang bị khuyết tật bẩm sinh bị bại não phải có người chăm sóc, đề nghị cấp dưỡng mỗi tháng 2.500.000 đồng đến khi cháu có khả năng lao động. Hiện nay chị đang làm tại **Công ty cổ phần T2** thu nhập mỗi tháng 20.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị và anh **T1** có một ngôi nhà 2,5 tầng diện tích sàn 222m² trên thửa đất số 630, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: **số nhà C, ngõ H, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình**) diện tích đất 70,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK436067 do **Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình** cấp ngày 15/4/2009 cho anh **Phùng Viết T1** và chị **Đào Thị Tuyết T**. Hiện nay chị đang quản lý ngôi nhà trên. Về nguồn gốc thửa đất do bố chị là ông **Đào Tiến N1** và mẹ **Lê Thị M** tặng cho vợ chồng chị. Hiện nay chị phải nuôi hai con, cháu **Thảo L**

đang bị tật nguyền, anh **T1** không có trách nhiệm gì với hai con. Nên, chị đề nghị Tòa án xem xét nguồn gốc đất chia cho chị phần nhiều hơn để chị nuôi hai con.

Về nợ chung: Vợ chồng chị có vay vốn tại **Ngân hàng N3** (sau đây gọi tắt **L1**) – **Chi nhánh B** – Phòng Giao dịch số 6 với số tiền gốc là 1.530.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3401LAV202301471 ngày 05/6/2023 tính đến ngày 11/3/2024 là 1.632.111.780 đồng trong đó: nợ gốc là 1.530.000.000 đồng; lãi là 102.111.780 đồng và phải trả lãi suất phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận tại hợp đồng cho đến ngày thực tế trả hết nợ gốc cho **A**. Và thế chấp toàn bộ nhà đất của vợ chồng để đảm bảo cho khoản vay trên. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị được quyền quản lý sử dụng, sở hữu nhà và đất trên. Chị sẽ có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng và thanh toán cho anh **T1** phần của anh **T1** được hưởng.

* Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 01/11/2023, bị đơn anh **Phùng Viết T1** trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị **T** trình bày. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh doanh bị thua lỗ nên hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, nay chị **T** có đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị **T** trình bày, ly hôn anh xin trực tiếp nuôi con **N**, chị **T** nuôi con **L**, con **L** bị bệnh bẩm sinh không tự sinh hoạt được phải có người chăm sóc anh sẽ cấp dưỡng nuôi con **L** theo quy định của pháp luật, Thu nhập của anh là 15.000.000 đồng/1 tháng. Về tài sản chung: vợ chồng có căn nhà 2,5 tầng trên diện tích đất 70,4 m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trị giá khoảng 3,2 tỷ, anh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản. Về nợ vợ chồng anh có nợ **Ngân hàng N3** số tiền 1.530.000.000 đồng, ngoài ra không còn nợ chung nào khác. Sau đó anh **T1** không đến Toà án theo giấy triệu tập.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **A** do ông **Đinh Việt Đ** là người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Ngày 05/6/2023 **A** có ký kết hợp đồng tín dụng số 3401LAV202301471 với chị **T**, anh **T1** số tiền vay là 1.550.000.000 đồng, lãi suất 10,5%/năm và ký hợp đồng thế chấp ngôi nhà mà vợ chồng đang ở. Số tiền ký khế ước nhận nợ là 1.530.000.000 đồng nhưng đến nay, chị **T**, anh **T1** chưa trả cho **A**. **A** có yêu cầu độc lập yêu cầu chị **T**, anh **T1** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **A** toàn bộ nợ gốc, số tiền lãi tạm tính, phí và các loại phí liên quan theo Hợp đồng tín dụng số 3401LAV202301471 ngày 05/6/2023 tính đến ngày 24/4/2024 là 1.632.111.780 đồng trong đó: nợ gốc là 1.530.000.000 đồng; lãi là 119.465.753 đồng và phải trả lãi suất phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận tại hợp đồng cho đến ngày thực tế trả hết nợ gốc cho **A**.

Trường hợp chị **T**, anh **T1** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật thì **A** có

quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của chị **T**, anh **T1** theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/06-23/HĐTC ngày 05/6/2023 đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 630, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: **tổ A (tổ A cũ), phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình**) diện tích đất 70,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK436067 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 0014/TP-TP do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 15/4/2009 cho anh **Phùng Viết T1** và chị **Đào Thị Tuyết T** và tài sản gắn liền với đất. Tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị **T**, anh **T1** có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho **A**.

Hiện nay, anh **Phùng Viết T1** không có mặt tại địa phương không phối hợp để thanh toán nợ cho ngân hàng. Đề nghị Tòa án giao ngôi nhà trên cho chị **T** và buộc chị **T** phải có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng cho ngân hàng. Trường hợp chị **T** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì **A** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/06-23/HĐTC ngày 05/6/2023 đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 630, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: **tổ A (tổ A cũ), phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình**) diện tích đất 70,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK436067 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 0014/TP-TP do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 15/4/2009 cho anh **Phùng Viết T1** và chị **Đào Thị Tuyết T** và tài sản gắn liền với đất. Tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị **T** có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho **A**.

* Cháu **Phùng Đào Thảo N** trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu ở với mẹ cháu để cháu còn phụ mẹ chăm sóc em cháu, em cháu bị khuyết tật không phát triển bình thường thường xuyên phải có người chăm sóc.

Tại Giấy xác nhận khuyết tật số hiệu 3601080142 ngày 24/02/2017 của UBND phường T xác nhận cháu **Phùng Đào Thảo L** dạng khuyết tật: Vận động, thần kinh, tâm thần; Mức độ khuyết tật: Đặc biệt nặng.

* Ông **Đào Tiếp N1**, sinh năm 1949; Nơi cư trú: **Số nhà C, ngõ H, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình**. Là bố đẻ của chị **Đào Thị Tuyết T** trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân và quá trình mâu thuẫn như chị **T** trình bày. Anh **T1** đã bỏ nhà đi từ tháng 11 năm 2023 đến nay không về, không có trách nhiệm gì với chị **T** và các con. Gia đình tôi có khuyên bảo nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được. Nay chị **T** xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **T**, anh **T1** theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh **T1**, chị **T** có 02 con chung, hiện nay hai con đang ở với chị **T** và hàng ngày ông là người phụ giúp chị **T** trông cháu **Thảo L** vì cháu bị khuyết tật cần có người phục vụ. Ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **T** được nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh **T1** phải cấp dưỡng nuôi con

theo quy định của pháp luật. Chị **T** có việc làm và thu nhập ổn định, có ông phụ giúp trong việc nuôi con nên chị **T** đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản: Chị **T** và anh **T1** có một ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất số 630, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: **số nhà C, ngõ H, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình**) diện tích đất 70,4 m². Nguồn gốc thửa đất trên là do ông tặng cho vợ chồng chị **T**, anh **T1** vào tháng 4 năm 2009. Đến nay ly hôn, ông đề nghị Toà án xem xét về nguồn gốc đất chia cho chị **T** phần nhiều hơn để không bị thiệt thòi, còn có điều kiện nuôi con chung. Chị **T** và anh **T1** không nợ gì ông.

* **UBND phường T, thành phố T** cung cấp: Về thời gian điều kiện kết hôn như chị **T** trình bày. Vợ chồng chung sống tại **tổ A phường T** đến tháng 3/2023 thì không thấy anh **T1** ở cùng chị **T**, một mình chị **T** chăm sóc nuôi dưỡng 2 con. Đến nay chị **T** có đơn xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 02 con chung như chị **T** trình bày. Cháu **Phùng Đào Thảo L** bị ốm từ nhỏ, chỉ nằm một chỗ, phải có người chăm sóc và đã được cấp giấy khuyết tật. Chị **T** có công việc và thu nhập ổn định là người thường xuyên chăm sóc các con và có đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản chung: Chị **T**, anh **T1** có 01 ngôi nhà xây dựng trên đất của bố mẹ chị **T** cho vợ chồng. Về nợ: vợ chồng không nợ gì tổ dân phố và phường còn có vay nợ ở bên ngoài thì địa phương không nắm được.

* **Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện:** Về đất thửa đất số 630, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: **tổ A (tổ A cũ), phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình** diện tích 70,4m², loại đất ở có tứ cận: Phía Bắc dài 14,2m giáp đất anh Đào Thanh Tùng; Phía Nam dài 3,3 m + 11,35m giáp ngõ đi chung; Phía Đông dài 5,0m giáp đất anh **Đào Văn N2**; Phía Tây dài 4,3m giáp ngõ đi chung. Tài sản gắn liền với đất: 01 nhà 2,5 tầng tổng diện tích xây dựng 222m².

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành các quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 116, 117, 317, 323, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **T** và anh **T1**. Về quan hệ con chung: đề nghị giao cho chị **T** trực tiếp nuôi cả hai con, buộc anh **T1** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyên từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng/con đến khi con **Thảo N** đủ 18 tuổi và 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng cho con **L** đến khi con **Thảo L** có khả năng lao động. Về quan hệ tài sản: Chia

cho chị **T** được hưởng 60% giá trị đất, anh **T1** được hưởng 40% giá trị đất; giá trị nhà, anh **T1** và chị **T** mỗi người được hưởng 50%. Tổng giá trị tài sản chị **T** được chia là 1.363.128.000 đồng, anh **T1** được chia là 1.039.288.000 đồng. Đề nghị giao cho chị **T** được quyền sử dụng diện tích 70,4 m² đất có số thửa 630, tờ bản đồ số 08 và được quyền sở hữu toàn bộ diện tích 222 m² nhà trên đất trị giá 2.402.416.000 đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK436067 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 0014/TP-TP do Ủy ban nhân dân thành phố **T** cấp ngày 15/4/2009 địa chỉ: số nhà **C**, ngõ **H**, đường **T**, tổ **A**, phường **T**, thành phố **T**, tỉnh Thái Bình.

Về nợ: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của **A**: Buộc chị **T**, anh **T1** có trách nhiệm thanh toán cho **A** số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 3401-LAV202301471 ngày 05/6/2023 ký kết giữa chị **Đào Thị Tuyết T**, anh **Phùng Viết T1** với **A** tính đến ngày 24/4/2024 là: 1.649.465.753 đồng trong đó: số tiền gốc là 1.530.000.000 đồng số tiền lãi là : 119. 465.753 đồng, cụ thể mỗi người phải thanh toán cho Ngân hàng 824.732.876 đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của chị **T**, chị **T** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ 1.649.465.753 đồng tính đến ngày 24/4/2024. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị **Đào Thị Tuyết T** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho **A** theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp chị **T** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì **A** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của chị **T**, anh **T1** theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/06-23/HĐTC ngày 05/6/2023 đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 630, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: tổ **A** (tổ **A** cũ), phường **T**, thành phố **T**, tỉnh Thái Bình) diện tích đất 70,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK436067 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 0014/TP-TP do Ủy ban nhân dân thành phố **T** cấp ngày 15/4/2009 cho anh **T1** và chị **T** và tài sản gắn liền với đất. Trường hợp số tiền bán tài sản lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho chị **T**. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị **T** có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho **A**. Chị **T** có nghĩa vụ thanh toán cho anh **T1** tiền chênh lệch tài sản là 214.555.124 đồng. Về án phí: Chị **T** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, án phí chia tài sản, án phí đối với nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng; anh **T1** phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, án phí chia tài sản, án phí đối với nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, chia tài sản do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nhất là vấn đề làm ăn kinh tế nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T1.

[4] Về quan hệ con cái: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Phùng Đào Thảo N, sinh ngày 23/9/2007 và Phùng Đào Thảo L, sinh ngày 07/3/2014. Anh T1 hiện đi làm ăn xa, không trực tiếp chăm sóc con chung. Chị T có việc làm và thu nhập ổn định, cháu N là con gái cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị T và nguyện vọng của cháu N giao cho chị T trực tiếp nuôi cả 2 con. Buộc anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con N cho chị T mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con N đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi con L cho chị T mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con L có khả năng lao động.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung:

[5.1] Chị T và anh T1 đều thống nhất trình bày vợ chồng có 01 căn nhà 2,5 tầng xây dựng trên diện tích đất 70,4 m² thửa đất số 630, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: số nhà C, ngõ H, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình và thống nhất nợ A số tiền 1.530.000.000 đồng.

[5.2] Kết quả định giá tài sản xác định: ngôi nhà 2,5 tầng diện tích xây dựng 222m² có giá trị 783.216.000 đồng; diện tích đất 70,4 m² ở thửa đất số 630, tờ bản đồ số 08 có giá trị 1.619.200.000 đồng, tổng cộng 2.402.416.000 đồng.

[5.3] Về nợ: Xét Hợp đồng tín dụng số 3401-LAV202301471 ngày 05/6/2023 giữa chị **T**, anh **T1** và **A** là hợp pháp, nội dung Hợp đồng thể hiện chị **T**, anh **T1** có vay của **A** số tiền 1.550.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất điều chỉnh theo từng báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%. Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn 130% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả 10%/1 năm. Số tiền nhận nợ là 1.530.000.000 đồng. Tính đến ngày 24/4/2024 số tiền chị **T** anh **T1** còn nợ **A** là: 1.649.465.753 đồng trong đó số nợ gốc là 1.530.000.000 đồng, lãi 119.465.753 đồng. Tại Điều 6 Hợp đồng trên có ghi: Ngân hàng có quyền tạm ngừng cho vay hoặc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi; ... Tài sản bảo đảm phát sinh tranh chấp hoặc xảy ra sự kiện pháp lý khác đe dọa làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trong hợp đồng. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu độc lập của **A** buộc chị **T**, anh **T1** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3401-LAV202301471 ngày 05/6/2023 tính đến ngày 24/4/2024 là 1.649.465.753 đồng, anh **T1**, chị **T** mỗi người phải trả Ngân hàng là 824.732.876,5 đồng.

[5.4] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/06-23/HĐTC ngày 05/6/2023 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm thể hiện: Chị **T**, anh **T1** thế chấp cho **A** thửa đất số 630, tờ bản đồ số 8, diện tích 70,4m² và tài sản trên đất địa chỉ tại **tổ A phường T thành phố T, tỉnh Thái Bình** đã được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK436067 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 0014/TP-TP do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 15/4/2009 để bảo đảm cho các khoản vay trước, trong và sau khi hợp đồng thế chấp được ký kết vì vậy buộc chị **T**, anh **T1** phải thực hiện Hợp đồng thế chấp đã ký kết.

[5.5] Xét thấy ngôi nhà và đất trên không thể chia bằng hiện vật cho cả chị **T**, anh **T1** nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị **T** giao cho chị **T** sở hữu, sử dụng ngôi nhà và đất trên chị **T** có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ của vợ chồng cho **A** và thanh toán chênh lệch tài sản trả cho anh **T1**. Buộc chị **T** phải thực hiện theo Hợp đồng thế chấp.

[5.6] Xét về nguồn gốc đất: Chị **T** và ông **Đào Tiếp N1** đều trình bày nguồn gốc thửa đất của vợ chồng là do ông **Đào Tiếp N1** cho chị **T**, anh **T1** phù hợp với nội dung trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK436067 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/4/2009 cho anh **Phùng Viết T1** và chị **Đào Thị Tuyết T** có ghi: nguồn gốc sử dụng đất: Nhận quyền sử dụng đất do tặng cho

QSĐĐ của bố Đào Tiếp Nhị do vậy cần xác định công sức của chị **T** lớn hơn nên khi chia tài sản cần chia cho chị **T** 60 % giá trị quyền sử dụng đất (1.619.200.000 đồng x 60%) = 971.520.000 đồng, chia cho anh **T1** 40 % giá trị quyền sử dụng đất (1.619.200.000 đồng x 40%) = 647.680.000 đồng. Về ngôi nhà xây dựng trên đất do vợ chồng chị **T**, anh **T1** xây dựng trong thời kỳ hôn nhân nên cần chia mỗi người 1/2 giá trị là 783.216.000 đồng : 2 = 391.608.000 đồng. Như vậy chị **T** được chia tài sản giá trị là 1.363.128.000 đồng; anh **T1** được chia tài sản giá trị là 1.039.288.000 đồng. Đối trừ số tiền phải trả nợ mỗi người là 824.732.876,5 đồng thì chị **T** phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh **T1** là: 214.555.000 (đã làm tròn)

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị **T** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 25.535.800 đồng án phí chia tài sản, 36.741.900 đồng án phí đối với nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng (đã làm tròn), tổng cộng là: 62.577.700 đồng; anh **T1** phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, 10.727.700 đồng án phí chia tài sản, 36.741.900 đồng án phí đối với nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng (đã làm tròn), tổng cộng là: 47.769.600 đồng. **A** không phải chi án phí nên trả lại cho **A** số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về chi phí tố tụng: Chị **T** đã tự chi không yêu cầu anh **T1** phải hoàn trả nên không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 43, 51, 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 116, 117, 317, 323, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ vào Điều 6, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Đào Thị Tuyết T** được ly hôn anh **Phùng Viêt T1**.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị **Đào Thị Tuyết T** trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là **Phùng Đào Thảo N**, sinh ngày 23/9/2007 và **Phùng Đào Thảo L**, sinh ngày 07/3/2014. Buộc anh **Phùng Viêt T1** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con **Phùng Đào Thảo N** cho chị **T** mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ khi Bản án có hiệu

lực pháp luật đến khi con **N** đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi con **Phùng Đào Thảo L** cho chị **T** mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con **L** có khả năng lao động.

Anh **Phùng Viết T1** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị **Đào Thị Tuyết T** và anh **Phùng Viết T1** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản:

3.1 Giao cho chị **Đào Thị Tuyết T** được quyền sử dụng diện tích 70,4 m² đất có số thửa 630, tờ bản đồ số 08 và được quyền sở hữu toàn bộ căn nhà 2,5 tầng diện tích sàn 222 m² trên đất trị giá 2.402.416.000 đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK436067 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 0014/TP-TP do **Ủy ban nhân dân thành phố T** cấp ngày 15/4/2009 địa chỉ: **số nhà C, ngõ H, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình**.

3.2 Về nợ: Chấp nhận yêu cầu độc lập của **Ngân hàng N3**: Buộc chị **Đào Thị Tuyết T** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng N3** số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 3401-LAV202301471 ngày 05/6/2023 ký kết giữa chị **Đào Thị Tuyết T**, anh **Phùng Viết T1** với **Ngân hàng N3** đến ngày 24/4/2024 là: 1.649.465.753 đồng trong đó: số tiền gốc là 1.530.000.000 đồng số tiền lãi là: 119. 465.753 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị **Đào Thị Tuyết T** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho **Ngân hàng N3** theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp chị **Đào Thị Tuyết T** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì **Ngân hàng N3** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/06-23/HĐTC ngày 05/6/2023 đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 630, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: **tổ A (tổ A cũ), phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình**) diện tích đất 70,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK436067 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 0014/TP-TP do **Ủy ban nhân dân thành phố T** cấp ngày 15/4/2009 cho anh **Phùng Viết T1** và chị **Đào Thị Tuyết T** và tài sản gắn liền với đất. Trường hợp số tiền bán tài sản lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho chị **Đào Thị Tuyết T**. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị **Đào Thị Tuyết T** có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho **Ngân hàng N3**.

3.3 Chị **Đào Thị Tuyết T** có nghĩa vụ thanh toán cho anh **Phùng Viết T1** tiền chênh lệch tài sản là 214.555.000 đồng (*Hai trăm mười bốn triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh **Phùng Viêt T1** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị **Đào Thị Tuyết T** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1 Chị **Đào Thị Tuyết T** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 25.535.800 đồng án phí chia tài sản, 36.741.900 đồng án phí đối với nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng, tổng cộng là: 62.577.700 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 28.800.000 đồng theo Biên lai số 0001017 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, chị **Đào Thị Tuyết T** còn phải nộp số tiền là 33.777.700 đồng (*Ba mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn*).

4.2 Anh **Phùng Viêt T1** phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, 10.727.700 đồng án phí chia tài sản, 36.741.900 đồng án phí đối với nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng, tổng cộng là: 47.769.600 đồng (*Bốn mươi triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng*).

4.3 Trả lại **Ngân hàng N3** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 30.130.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001120 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

5. Về quyền kháng cáo: chị **Đào Thị Tuyết T** và **Ngân hàng N3** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Phùng Viêt T1** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
 - Ủy ban nhân dân phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
- (Giấy Chứng nhận kết hôn số: 04 ngày 19/01/2004);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương